

MẪU NHÃN DỰ KIẾN

Tờ hướng dẫn sử dụng.
Kích thước: 162 x 70 mm.

Rectiofar 4

ĐỂ XA TẮM TAY CỦA TRẺ EM.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
NEU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.

1. Thành phần công thức thuốc: Mỗi 2,7 ml liều dùng trung bình chứa:

- Thành phần hoạt chất:
Glycerin2,8 g nhuận tràng thẩm thấu
- Thành phần tá dược: benzalkonium clorid, dinatri edetat, nước tinh khiết vừa đủ.

2. Dạng bào chế

Dung dịch bơm trực tràng, chất lỏng sánh, trong suốt, không màu, không mùi, vị nóng và ngọt.

3. Chỉ định

- Giảm chứng táo bón không thường xuyên.
- Thuốc thúc đẩy nhu động ruột, thường có hiệu quả trong vòng 15 phút đến 1 giờ.

4. Cách dùng và liều dùng

Liều dùng

- Liều duy nhất hàng ngày
- Trẻ em từ 2 đến dưới 6 tuổi: 1 ống bơm trực tràng hoặc theo chỉ định của bác sĩ.
- Trẻ em từ < 2 tuổi: tham khảo ý kiến bác sĩ.

Cách dùng

- Tư thế bên trái: nằm nghiêng về bên trái, gấp đầu gối và đặt tay thoải mái.
- Tư thế đầu gối – ngực: quỳ xuống, sau đó cúi đầu và ngực về phía trước cho đến khi bên trái khuôn mặt tựa vào bề mặt với tay trái gấp lại thoải mái.
- Dùng thuốc nhuận tràng: tháo bỏ nắp trước khi bơm thuốc. Giữ thiết bị thẳng đứng, nắm thân bầu bằng ngón tay. Với lực ổn định, đưa đầu kim vào trực tràng với chuyển động nhẹ từ bên này sang bên kia, với đầu hướng về phía rốn. Không ép mạnh đầu kim vào trực tràng vì điều này có thể gây tổn thương. Việc bơm thuốc có thể dễ dàng hơn nếu người dùng thuốc cúi xuống như thể đang đi đại tiện. Động tác này giúp giãn các cơ quanh hậu môn. Bóp thân bầu cho đến khi gần như toàn bộ chất lỏng được đẩy ra ngoài (khoảng 2,7 ml). Không cần thiết phải làm trống hoàn toàn chất lỏng trong thân bầu. Các thân bầu chứa nhiều hơn lượng chất lỏng cần thiết để sử dụng hiệu quả. Một lượng nhỏ chất lỏng sẽ vẫn còn trong thân bầu sau khi bóp thân bầu.

5. Chống chỉ định

- Dùng với bất cứ thành phần nào của thuốc.
- Xuất huyết trực tràng.
- Không đại tiện sau khi dùng thuốc nhuận tràng.

Rectiofar 4

Những triệu chứng này có thể cho thấy tình trạng nghiêm trọng.

6. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

- Chỉ dùng đường trực tràng.
- Đau bụng, buồn nôn hoặc nôn.
- Thay đổi đột ngột thói quen đại tiện kéo dài hơn 2 tuần.
- Đã dùng thuốc nhuận tràng được hơn 1 tuần

7. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc trên phụ nữ có thai, chỉ nên dùng thuốc nếu lợi ích vượt trội so với nguy cơ.

8. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

9. Tương tác thuốc, tương kỵ của thuốc

Tương tác thuốc: Chưa thấy báo cáo

Tương kỵ thuốc: Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

11. Tác dụng không mong muốn của thuốc

Có thể gây khó chịu trực tràng hoặc cảm giác nóng rát.

• Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

12. Quá liều và cách xử trí

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

13. Đặc tính dược lực học:

Nhóm dược lý: thuốc nhuận tràng, thuốc xổ
Mã ATC: A06A G04

14. Đặc tính dược động học: Chưa thấy báo cáo

15. Quy cách đóng gói

Hộp 6 túi x 1 ống bơm 4ml.

16. Điều kiện bảo quản

Ở nhiệt độ không quá 30°C.

17. Hạn dùng

30 tháng kể từ ngày sản xuất.

18. Tiêu chuẩn chất lượng của thuốc: TCCS

19. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU
PHARMEDIC



367 Nguyễn Trãi, P. Cầu Ông Lãnh,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

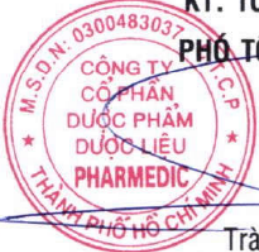
Sản xuất tại nhà máy GMP – WHO

1/67 Nguyễn Văn Quà, P. Đông Hưng Thuận,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2026

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trà Quang Trinh

Hướng dẫn sử dụng thuốc

RECTIOFAR 4

Đề xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến

1. Thành phần công thức thuốc:

- Thành phần hoạt chất: mỗi 2,7 ml liều dùng trung bình chứa
Glycerin 2,8 g nhuận tràng thẩm thấu
- Thành phần tá dược: Benzalkonium clorid, Dinatri edetat, Nước tinh khiết vừa đủ

2. Dạng bào chế:

Dung dịch bơm trực tràng. Chất lỏng sánh, trong suốt, không màu, không mùi, vị nóng và ngọt.

3. Chỉ định:

- Giảm chứng táo bón không thường xuyên.
- Thuốc thúc đẩy nhu động ruột, thường có hiệu quả trong vòng 15 phút đến 1 giờ.

4. Cách dùng và liều dùng:

Liều dùng:

- Liều duy nhất hàng ngày
- Trẻ em từ 2 đến dưới 6 tuổi: 1 ống bơm trực tràng hoặc theo chỉ định của bác sĩ.
- Trẻ em < 2 tuổi: tham khảo ý kiến bác sĩ.

Cách dùng

- Tư thế bên trái: nằm nghiêng về bên trái, gập đầu gối và đặt tay thoải mái.
- Tư thế đầu gối – ngực: quỳ xuống, sau đó cúi đầu và ngực về phía trước cho đến khi bên trái khuôn mặt tựa vào bề mặt với tay trái gập lại thoải mái.
- Dùng thuốc nhuận tràng: tháo bỏ nắp trước khi bơm thuốc. Giữ thiết bị thẳng đứng, nắm thân bầu bằng ngón tay. Với lực ổn định, đưa đầu kim vào trực tràng với chuyển động nhẹ từ bên này sang bên kia, với đầu hướng về phía rốn. Không ép mạnh đầu kim vào trực tràng vì điều này có thể gây tổn thương. Việc bơm thuốc có thể dễ dàng hơn nếu người dùng thuốc cúi xuống như thể đang đi đại tiện. Động tác này giúp giãn các cơ quanh hậu môn. Bóp thân bầu cho đến khi gần như toàn bộ chất lỏng được đẩy ra ngoài (khoảng 2,7 ml). Không cần thiết phải làm trống hoàn toàn chất lỏng trong thân bầu. Các thân bầu chứa nhiều hơn lượng chất lỏng cần thiết để sử dụng hiệu quả. Một lượng nhỏ chất lỏng sẽ vẫn còn trong thân bầu sau khi bóp thân bầu.

5. Chống chỉ định:

- Dị ứng với bất cứ thành phần nào của thuốc.
- Xuất huyết trực tràng.
- Không đại tiện sau khi dùng thuốc nhuận tràng.

Những triệu chứng này có thể cho thấy tình trạng nghiêm trọng.



6. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

- Chỉ dùng đường trực tràng.
- Đau bụng, buồn nôn hoặc nôn.
- Thay đổi đột ngột thói quen đại tiện kéo dài hơn 2 tuần.
- Đã dùng thuốc nhuận tràng được hơn 1 tuần

7. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc trên phụ nữ có thai, chỉ nên dùng thuốc nếu lợi ích vượt trội so với nguy cơ.

8. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc:

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

9. Tương tác, tương kỵ của thuốc:

Tương tác thuốc: Chưa thấy báo cáo

Tương kỵ thuốc:

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

10. Tác dụng không mong muốn của thuốc:

Có thể gây khó chịu trực tràng hoặc cảm giác nóng rát.

* Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

11. Quá liều và cách xử trí:

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

12. Đặc tính dược lực học:

- Nhóm dược lý: thuốc nhuận tràng, thuốc xổ
- Mã ATC: A06A G04

13. Đặc tính dược động học:

Chưa thấy báo cáo

14. Quy cách đóng gói:

Hộp 6 túi x 1 ống bơm 4 ml

15. Điều kiện bảo quản:

Ở nhiệt độ không quá 30°C.

16. Hạn dùng:

30 tháng kể từ ngày sản xuất

17. Tiêu chuẩn chất lượng của thuốc: TCCS



18. Tên địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

367 Nguyễn Trãi, P. Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.



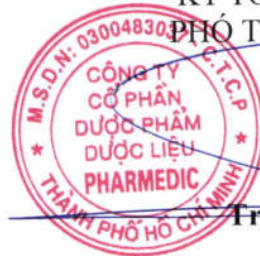
Sản xuất tại nhà máy GMP-WHO

1/ 67 Nguyễn Văn Quá, P. Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2026

KT TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trà Quang Trình

